TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-11-2022
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Di

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: D ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

***Bị đơn*:** Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2022 và quá trình tố tụng tại tòa ông Trần Văn T *trình bày:* Ông Trần Văn T sống chung và kết hôn với bà Vũ Thị Nhung H1 từ năm 2017. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã rồi dẫn đến việc không tôn trọng nhau. Nay ông T xét thấy tình cảm đối với bà H1 không còn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con, Trần Vũ Hồng Â, sinh ngày 20-4-2019. Ông T tự nguyện giao con cho bà H1 nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình tố tụng tại tòa bị đơn bà Vũ Thị Nhung H1 *xác nhận:* Về điều kiện kết hôn và chung sống theo ông T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn bà H1 về làm dâu và sinh sống cùng với gia đình bên chồng, thời gian đầu thì ông T bị nghiện ma túy và đi cai nghiện nên bà H1 đưa con về nhà cha mẹ ruột để sinh sống và cũng từ đó bà H1 và anh T tự sống ly thân đến nay. Sau thời gian sống ly thân ông T bà H1 có nhiều lần gặp nhau bàn việc đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Nay ông T làm đơn yêu cầu ly hôn bà H1 đồng ý, vì bà H1 là người theo đạo Thiên chúa nên bà H1 đề nghị Tòa xem xét theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phải giải quyết ly hôn; bà H1 yêu cầu được nuôi con, yêu cầu của ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung: Bà H1 không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa tuân thủ quy định của pháp luật (có mặt nhưng không đồng ý ký tên).

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn T yêu cầu ly hôn bà Vũ Thị Nhung H1, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị Nhung H1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa ông T và bà H1 là hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản hòa giải ngày 27-10-2022 cả 02 bên đương sự, xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và tự sống ly thân từ khoảng năm 2019 đến nay. Ông T yêu cầu ly hôn bà H1 đồng ý. Tuy bà H1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn của ông T có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Có 01 con Trần Vũ Hồng Â, sinh ngày 20-4-2019. Bà H1 đồng ý nuôi con chung nhưng yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng do ông T nêu ra là phù hợp với pháp luật, được chấp nhận. Sau này đương sự còn quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thái bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19; Điều 56; Điều 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn T đối với bà Vũ Thị Nhung H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn bà Vũ Thị Nhung H1.

- Về con chung: Giao con Trần Vũ Hồng Â, sinh ngày 20-4-2019 cho bà H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H1 không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Văn T nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng. Án phí về cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009080 ngày 10-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền nên ông T phải nộp thêm số tiền 300.000(Ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. .

"Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc